TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG H ÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ - ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2022
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình, bà Cầm Thị Đoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23/12/2021, về việc: "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 21/4/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết X - Luật sư – thành viên Công ty Luật A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu. Địa chỉ: Số 04 đường Lê Thanh Nghị, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Người đại diện: Ông Nguyễn Ngọc S – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu T – chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2021, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Mai Thị Mỹ D vào ngày 27/11/2017 việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, nghiêm trọng hơn là do vợ không tôn trọng chồng, hắt hủi, không yêu thương chăm sóc con riêng của anh, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau. Nay anh nhận thấy cuộc sống gia đình không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị Mỹ D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H trình bày vợ chồng có tạo dựng khối tài sản chung là 01 ngôi nhà 1,5 tầng, đổ bê tông, diện tích xây dựng 120m^2/sàn, được xây dựng trên phần đất của chị Mai Thị Mỹ D, địa chỉ tại Tiểu khu 40 (nay là Tiểu khu Bệnh Viện), thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu. Tổng giá trị xây dựng ước tính khoảng 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Anh đề nghị được chia 60% giá trị ngôi nhà.

- Nợ chung: Vợ, chồng nợ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La – phòng giao dịch Mộc Châu số tiền 300.000.000 đồng, đây là khoản nợ chung để phục vụ việc trả nợ tiền xây nhà và kinh doanh của vợ chồng. Anh đề nghị mỗi người phải chịu ½ đối với khoản nợ ngân hàng và lãi phát sinh.

- Về nợ riêng: Trước khi kết hôn, ngày 08/12/2016 chị Mai Thị Mỹ D có vay của anh số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), nay ly hôn anh đề nghị chị D phải trả cho anh số tiền đã vay, anh không yêu cầu chị D phải chịu lãi xuất.

Về tài sản khác: Anh Nguyễn Văn H khai anh có tài sản riêng thửa đất số: 32a, tờ bản đồ số: 17, Tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La do UBND huyện Mộc Châu cấp mang tên Nguyễn Văn H.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay bị đơn là chị Mai Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung chị Mai Thị Mỹ D cũng thống nhất như anh Nguyễn Văn H đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh H những lúc uống rượu say sỉn về nhà chửi bới, phá đồ đạc, đã đánh chị và con riêng của chị nhiều lần, hàng xóm đã can ngăn nhưng không được. Nay anh Nguyễn Văn H có đơn ly hôn, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về tài sản chung: Chị trình bày giữa chị và anh H không có tài sản chung, ngôi nhà 1,5 tầng được xây dựng năm 2019 và trong thời kỳ hôn nhân được xây dựng trên đất của riêng chị, tiền xây nhà là tiền của chị bán nhà đất của chồng cũ để lại cho hai con riêng của chị, nên chị không nhất trí phân chia.

- Về vay nợ chung: Vào thời gian tháng 7/2021 chị có được anh Nguyễn Văn H nhờ ký hộ để vay vốn Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu số tiền 300.000.000 đồng (có thế chấp tài sản riêng là quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H), anh H đã sử dụng số tiền trên chuộc lại nhà cho bố mẹ anh H. Nay anh H yêu cầu chị phải chịu 50% số tiền vay trên chị không nhất trí. Nếu phải trả chị đề nghị được chia ½ giá trị đất mà anh H thế chấp với Ngân hàng.

- Về khoản nợ riêng: Ngày 08/12/2016 chị có vay của anh Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000 đồng, đến năm 2017 anh H nói nếu lấy anh thì số tiền này anh H sẽ xóa nợ cho chị, nay anh H yêu cầu chị trả số tiền đó thì chị tính vào tiền chị làm vợ, làm ô sin, công chăm sóc cho anh H là hết nợ, do vậy chị không đồng ý trả tiền.

Về tài sản khác: Chị Mai Thị Mỹ D khai chị có tài sản riêng là Đất ở tại tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu diện tích 310m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 525424 do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 21/4/2014.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu trình bày:

- Tại hợp đồng tín dụng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021 Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu có cho anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị Mỹ D vay tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là bất động sản – Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu: CU235922, thửa đất số: 32a, tờ bản đồ số: 17, Tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La do UBND huyện Mộc Châu cấp cho anh Nguyễn Văn H. Tính đến thời điểm hiện tại hộ gia đình anh Nguyễn Văn H hiện dư nợ tại ngân hàng số tiền là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Anh Nguyễn Văn H là người đứng tên trên GCN- QSDĐ đang thế chấp tại Ngân hàng MB Mộc Châu, do đó Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57; Điều 59; 60; 62 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Giao cho chị Mai Thị Mỹ D quản lý, sử dụng những tài sản sau: Đất ở tổng diện là 310m^2 đất có vị trí tiếp giáp như sau: chiều rộng mặt trước giáp chỉ giới xây dựng đường là 20m và chiều rộng mặt sau giáp đất ông Thạch là 16,5m; chiều dài của lô đất giáp đất bà Thơm là 18.2m, giáp đất bà Chức là 18,7m. Đất tọa lạc tại: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 525424 do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 21/4/2014. Trên đất có một căn nhà, loại nhà ở 02 tầng, bao gồm nhà chính và công trình phụ, tổng diện tích 141,6m^2. Tổng giá trị tài sản trên đất là 618.757.000đ (Đã làm tròn số) (Sáu trăm mười tám triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo)

3.2. Chị Mai Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 309.378.000đ (Đã làm tròn số) (Ba trăm linh chín triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng); 150.000.000đ (Một trăm, năm mươi triệu đồng) tiền vay nợ riêng và 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch chi phí định giá. Tổng cộng là: 461.628.000đ (Bốn trăm sáu mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

4. Về nợ chung:

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu số tiền 150.000.000đ (Một trăm, năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021

Chị Mai Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu số tiền 150.000.000đ (Một trăm, năm

mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021.

5. Về án phí:

5.1. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; 15.468.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí dân sự tranh chấp tài sản có giá ngạch và 7.500.000 đồng án phí vay nợ chung. Tổng cộng là: 23.268.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000590 ngày 23/12/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, anh Nguyễn Văn H còn phải nộp thêm số tiền 22.968.000 (Hai mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

5.2. Chị Mai Thị Mỹ D phải chịu 15.468.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí dân sự tranh chấp tài sản có giá ngạch; 7.500.000 đồng án phí vay nợ chung và 7.500.000 đồng án phí vay nợ riêng. Tổng cộng là: 30.468.000đ (Ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H với bị đơn là chị Mai Thị Mỹ D, cư trú tại: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, Sơn La.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D đi đến hôn nhân trên cở sở tình yêu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa anh H và chị D đã xảy ra mâu thuẫn, điều này được anh H và chị D thừa nhận, không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Anh H, chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị D mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D đều trình bày không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] *Về tài sản được hình thành trước thời kỳ hôn nhân:*

Chị Mai Thị Mỹ D có đất ở diện tích 310m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mai Thị Mỹ D, địa chỉ Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

Anh Nguyễn Văn H có đất ở diện tích 334m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H, địa chỉ Tiểu khu 10 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

Hai anh, chị đều xác định là tài sản riêng không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Sau khi tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài phần tài sản tranh chấp cụ thể như sau:

Về nhà cửa, vật kiến trúc:

Nhà 02 tầng, khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây 220mm, sàn mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Creamic, có tổng diện tích 141,6m^2 giá trị còn lại 539.227.164 đồng; Thưng tôn, kích thước 52,11m^2, giá trị còn lại l 4.949.147 đồng; Mái che Xà gồ thép hình, lợp tôn múi, gác lên tường kích thước 18,7m^2, giá trị còn lại 0 đồng; 01 bể nước tường xây gạch chỉ 220mm, giá trị còn lại 12.171.600 đồng; Tường xây gạch Block 110, trát một mặt, kích thước 3,6m^2, giá trị còn lại 562.424 đồng; Tường thưng kích thước 7,56m^2 giá trị còn lại 689.291 đồng; Mái che Xà gồ thép hình, lợp tôn múi, gác lên tường, kích thước 12,6m^2, giá trị còn lại 1.512.000 đồng; Nền láng xi măng, kích thước 7,77m^2 giá trị còn lại 792.540 đồng; Chuồng gà, tường xây gạch, nền láng xi măng, kích thước 18,2m^2, giá trị còn lại 11.597.947 đồng; Tường thưng tôn, kích thước 70,08m2 giá trị còn lại 6.389.614 đồng; Nền láng vữa xi măng kích thước 24,6m^2, giá trị còn lại 2.509.200 đồng; Mái che Xà gồ thep hình, lợp tôn múi kích thước 24,6m2, giá trị còn lại 2.952.000 đồng; Tường xây gạch Block 110mm, trát một mặt kích thước 7,44m2, giá trị còn lại 1.162.342 đồng; Tường thưng tôn kích thước 22,32m2, giá trị còn lại 2.035.048 đồng; Nền sân lát gạch Creamic, kích thước 42,93m2, giá trị còn lại 6.181.920 đồng; Mái che xà gồ thep hình, lợp tôn múi kích thước 42,93m^2, giá trị còn lại 5.151.600 đồng; Cổng sắt kích thước 23,43m2, giá trị còn lại 14.971.770 đồng; 02 Trụ cổng, giá trị còn lại 5.902.205 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 618.757.000đ (Sáu trăm, mười tám triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), (Đã làm tròn số).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D đều thống nhất giá trị theo như Hội đồng định giá tài sản đã xác định tổng giá trị tài sản là 618.757.000 đồng, nhưng không thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị Mai Thị Mỹ D cho rằng toàn bộ chi phí xây dựng cho ngôi nhà và các công trình khác là tiền riêng của chị, chị không nhất trí phân chia. Anh Nguyễn Văn H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp của anh H đề nghị được hưởng 60% giá trị tài sản.

Xét thấy khối tài sản trên được xây dựng từ cuối năm 2019 đến giữa năm 2020 được đưa vào sử dụng, do vậy có căn cứ xác định tài sản được hình thành

trong thời kỳ hôn nhân, các bên không có căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên xác định khối tài sản chung của vợ chồng anh H, chị D có công sức đóng góp ngang nhau nên mỗi người được chia ½ giá trị tài sản theo quy định của pháp luật, do vậy không chấp nhận một phần yêu cầu của anh H và người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn về chia 60% giá trị tài sản và yêu cầu của chị D, cụ thể giá trị phần tài sản mỗi bên được nhận là 618.757.000 đồng/2 = 309.378.000 đồng. Do phần tài sản nằm trên phần đất là tài sản riêng của chị D, cần giao toàn bộ đất và tài sản trên đất cho chị D được quyền quản lý, sử dụng, đồng thời chị D phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia cho anh H không được nhận bằng hiện vật, cụ thể:

Giao cho chị D được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm: Đất ở tổng diện là 310m^2, có chiều rộng mặt trước giáp chỉ giới xây dựng đường là 20m và chiều rộng mặt sau giáp đất ông Thạch là 16,5m; chiều dài của lô đất giáp đất bà Thơm là 18.2m, giáp đất bà Chức là 18,7m. Đất tọa lạc tại: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 525424 do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 21/4/2014. Trên đất có một căn nhà, loại nhà ở 02 tầng, bao gồm nhà chính và các công trình phụ. Tổng giá trị tài sản trên đất là 618.757.000 đồng.

Chị Mai Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 309.378.000 đồng.

[6] *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D nợ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La – phòng giao dịch Mộc Châu số tiền 300.000.000 đồng, để đảm bảo khoản vay anh Nguyễn Văn H thế chấp tài sản riêng của anh H là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tiểu khu 10 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu mang tên Nguyễn Văn H, nay ly hôn anh H đề nghị chị D phải chịu ½ tiền vay và lãi phát sinh, chị D cho rằng khoản tiền vay anh H đã sử dụng cho mục đích riêng của anh H, chị không đồng ý thanh toán cùng với anh H số tiền trên; ý kiến Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ để đảm bảo quyền và lợi ích cho phía Ngân hàng.

Xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021 anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị Mỹ D có ký kết hợp đồng với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La – phòng giao dịch Mộc Châu dư nợ đến nay là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, căn cứ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trong đó vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây "..1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ, chồng cùng phải chịu trách nhiệm", nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của chị D, buộc anh H và chị D liên đới có trách nhiệm như nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La, cụ thể: Anh Nguyễn Văn H phải thanh toán 150.000.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán xong khoản nợ; chị Mai Thị Mỹ D phải thanh toán 150.000.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán xong khoản nợ đối với Ngân hàng. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Nguyễn

Văn H và đại diện Ngân hàng nhất trí để anh H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021 và lãi phát sinh, là phù hợp với quy định của pháp luật, cần ghi nhận. Chị Mai Thị Mỹ D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 150.000.000 đồng và lãi phát sinh.

[7] Về nợ riêng: Ngày 08/12/2016 chị Mai Thị Mỹ D có nợ của anh Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), nay ly hôn anh H đề nghị chị D phải thanh toán cho anh, anh không yêu cầu tính lãi suất. Chị D không đồng ý trả cho rằng số tiền đó tính vào tiền chị làm vợ, làm ô sin, công chăm sóc cho anh H là hết nợ.

Xét thấy tại Giấy vay tiền do anh Nguyễn Văn H xuất trình có nội dung: Ngày 08/12/2016 chị Mai Thị Mỹ D vay của anh Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2017, chị D đưa ra căn cứ chị làm vợ, làm ô sin, công chăm sóc cho anh H nên để xóa nợ là không phù hợp, bởi lẽ vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, chị D không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, do vậy không có căn cứ để xem xét, buộc chị D có nghĩa vụ thanh toán cho anh H số tiền là 150.000.000 đồng. Về lãi suất anh H không yêu cầu do đó không xem xét giải quyết.

[8] *Về chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm đinh tại chỗ:* Chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm đinh tại chỗ là 4.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn H đã nộp toàn bộ chi phí này. Do anh H và chị D không thống nhất với nhau về việc chia tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng nên mỗi người phải chịu ½ chi phí định giá là 2.250.000 đồng. Do đó, chị D có trách nhiệm trả lại cho anh H số tiền 2.250.000 đồng.

[9]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57; Điều 59; 60; 62 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị Mỹ D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung:

Giao cho chị Mai Thị Mỹ D quản lý, sử dụng những tài sản sau: Đất ở tổng diện là 310m^2 đất có vị trí tiếp giáp như sau: chiều rộng mặt trước giáp chỉ giới xây dựng đường là 20m và chiều rộng mặt sau giáp đất ông Thạch là 16,5m; chiều dài của lô đất giáp đất bà Thơm là 18.2m, giáp đất bà Chức là 18,7m. Đất tọa lạc tại: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 525424 do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 21/4/2014. Trên đất có một căn nhà, loại nhà ở 02 tầng, bao gồm nhà chính và công trình phụ. Tổng giá trị tài sản trên đất là 618.757.000đ (Đã làm tròn số) (Sáu trăm mười tám triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Chị Mai Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 309.378.000đ (Đã làm tròn số) (Ba trăm linh chín triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

4. Về nợ chung:

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Mộc Châu số tiền 300.000.000đ (Ba trăm, triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh, theo Hợp đồng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021.

Trường hợp anh Nguyễn Văn H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân Đội thì Ngân hàng TMCP Quân Đội có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32a, tờ bản đồ số 17, địa chỉ Tiểu khu 10 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo giấy chứng nhận số CU 235922 mang tên Nguyễn Văn H. Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Văn H phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Chị Mai Thị Mỹ D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000đ (Một trăm, năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo Hợp đồng số 130241.21.786.6719547.TD ngày 13/7/2021 tại thời điểm trả nợ.

5. Về nợ riêng: Chị Mai Thị Mỹ D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000đ (Một trăm, năm mươi triệu đồng).

6. Về chi phí tố tụng: Chị Mai Thị Mỹ D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn H số tiền 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền chị Mai Thị Mỹ D phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn H là: 611.628.000đ (Sáu trăm mười một triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án".

7. Về án phí:

7.1. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; 15.468.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí dân sự tranh chấp tài sản có giá ngạch và 7.500.000 đồng án phí vay nợ chung. Tổng cộng là: 23.268.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000590 ngày 23/12/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, anh Nguyễn Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 22.968.000 (Hai mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

7.2. Chị Mai Thị Mỹ D phải chịu 15.468.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí dân sự tranh chấp tài sản có giá ngạch; 7.500.000 đồng án phí vay nợ chung và 7.500.000 đồng án phí vay nợ riêng. Tổng cộng là: 30.468.000đ (Ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà